

Số: /TB-TTYT

Gia Viễn, ngày tháng 01 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
Là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Ninh Bình

Tên cơ sở công bố: **Trung tâm Y tế Gia Viễn**

Giấy phép hoạt động số: 134/NB-GPHĐ do Sở Y tế Ninh Bình cấp ngày 20/8/2025

Địa chỉ: thôn Tiến Yết, xã Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

Chịu trách nhiệm chuyên môn: Đặng Tiến Hải

Điện thoại liên hệ: 02293868019

Gmail: ttytgiavien@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Trung tâm Y tế Gia Viễn công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành (*Phụ lục I*)
2. Trình độ đào tạo thực hành: bác sĩ chuyên khoa I, đại học, cao đẳng, trung cấp
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: 146 người (*chi tiết từng đối tượng tại Phụ lục II*)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (*Phụ lục III*)
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng (*Phụ lục II*)
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (*Phụ lục IV*).

Trung tâm Y tế Gia Viễn cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố. Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHNVDĐ._(H)

GIÁM ĐỐC

Đặng Tiến Hải

Phụ lục I. Ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành

1. Bác sĩ chuyên khoa I: Nội khoa, ngoại khoa, thần kinh, sản phụ khoa, chẩn đoán hình ảnh.

2. Đại học: bác sĩ y khoa, bác sĩ y học cổ truyền, bác sĩ răng hàm mặt, bác sĩ chẩn đoán hình ảnh, điều dưỡng, dược sĩ, kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh, kỹ thuật viên xét nghiệm.

3. Cao đẳng/ trung cấp: điều dưỡng, dược, kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh, kỹ thuật viên xét nghiệm, hộ sinh. Y sĩ y học cổ truyền, y sĩ đa khoa.

Phụ lục II. Thông tin chung về đào tạo thực hành tại Trung tâm Y tế Gia Viễn năm 2026

STT	Mã đào tạo	Trình độ	ngành/chuyên ngành	Môn học	Nội dung	khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	số người thực hành tối đa theo giường	Số người đang thực hành	số người thực hành có thể nhận thêm
1		Bác sĩ chuyên khoa I	Nội khoa	Nội khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	1	5	5	15	0	5
2		Bác sĩ chuyên khoa I	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	Khoa Ngoại chuyên khoa	1	5	5	15	0	5
3		Bác sĩ chuyên khoa I	Thần kinh	Thần kinh	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh thần kinh (nội khoa)	Khoa Nội tổng hợp	1	5	5	15	0	5
4		Bác sĩ chuyên khoa I	sản phụ khoa	sản phụ khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và phụ sản	1	5	5	15	0	5
5		Bác sĩ chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh xquang, siêu âm, CT	Khoa Xét nghiệm CĐHA	1	5	0	0	0	5
6	7720101	Đại học	Bác sĩ y khoa	khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	3	15	30	90	0	15
				khám bệnh, chữa bệnh hồi sức	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh hồi sức cấp cứu	Khoa Nhi - Hồi sức cấp cứu	1	5	20	60	0	5

				cấp cứu								
				khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	Khoa Ngoại chuyên khoa	5	25	30	90	0	25
				khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản	2	10	5	15	0	10
				khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa	Khoa Nhi - Hồi sức cấp cứu	1	5	10	30	0	5
7		Đại học	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh xquang, siêu âm, CT	Khoa Xét nghiệm CĐHA	1	5	0	0	0	5
8	7720115	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền	Khoa YHCT&PHCN	2	10	30	90	0	30
9	7720201	Đại học	Dược sĩ	Thực hành dược lâm sàng bệnh viện. Thực hành dược khoa	Xây dựng danh mục/tài liệu chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc. Thực hành quy trình thông tin thuốc. Báo cáo phản ứng có hại của ADR. Xác định các vấn đề liên quan đến	Khoa Dược - VTTBYT	2	10	0	0	0	10

					thuốc.							
10	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh	Xây dựng kế hoạch chăm sóc, thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	2	10	30	90	0	10
						Khoa Nhi - Hồi sức cấp cứu	2	10	30	90	0	10
						Khoa Ngoại chuyên khoa	1	5	30	90	0	5
						Khoa Truyền nhiễm	1	5	5	15	0	5
11	7720501	Đại học	Bác sĩ răng hàm mặt	khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành răng hàm mặt	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành răng hàm mặt	Khoa khám bệnh	1	5	1	3	3	5
12	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật xét nghiệm huyết học, vi sinh, sinh hóa miễn dịch	Thực hành kỹ thuật xét nghiệm huyết học vi sinh Thực hành kỹ thuật xét nghiệm sinh hóa miễn dịch	Khoa Xét nghiệm CDHA	2	10	0	0	0	10
13	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hiện các kỹ thuật chụp Xquang, CT	Khoa Xét nghiệm CDHA	2	10	0	0	0	10
14	6720101	cao đẳng	Y sỹ đa khoa	khám bệnh, chữa bệnh hồi sức cấp cứu	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh hồi sức cấp cứu	Khoa Nhi - Hồi sức cấp cứu	1	5	20	60	0	5
				khám bệnh,	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh	Khoa Ngoại chuyên khoa	5	25	30	90	0	25

				chữa bệnh ngoại khoa	ngoại khoa							
				khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa	Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và phụ sản	2	10	5	15	0	10
				khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa	Khoa Nhi - Hồi sức cấp cứu	1	5	10	30	0	5
15	6720103	cao đẳng	Y học cổ truyền	khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền, thực hiện các kỹ thuật YHCT	Khoa YHCT&PHCN	2	10	30	90	0	30
16	6720201	cao đẳng	Dược	Thực tập dược. Thực tế nghề dược.	Công tác dược. Giám sát sử dụng thuốc. Công tác thông tin thuốc tại khoa.	Khoa Dược - VTTBYT	2	10	0	0	0	10
17	6720301	cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	2	10	30	90	0	10
						Khoa Nhi - Hồi sức cấp cứu	2	10	30	90	0	10
						Khoa Ngoại chuyên khoa	1	5	30	90	0	5
						Khoa Truyền nhiễm	1	5	5	15	0	5
18	6720303	cao đẳng	Hộ sinh	Hộ sinh	Thực hành chăm sóc thai kỳ, đỡ đẻ, chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh	Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và phụ sản	2	10	5	15	0	10

19	6720601	cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật xét nghiệm huyết học, vi sinh, sinh hóa miễn dịch	Thực hành kỹ thuật xét nghiệm huyết học vi sinh Thực hành kỹ thuật xét nghiệm sinh hóa miễn dịch	Khoa Xét nghiệm CDHA	2	10	0	0	0	10
20	6720602	cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hiện các kỹ thuật chụp Xquang, CT	Khoa Xét nghiệm CDHA	2	10	0	0	0	10
21	5720301	Trung cấp	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	2	10	30	90	0	10
						Khoa Nhi - Hồi sức cấp cứu	2	10	30	90	0	10
						Khoa Ngoại chuyên khoa	1	5	30	90	0	5
						Khoa Truyền nhiễm	1	5	5	15	0	5
22	5720303	Trung cấp	Hộ sinh	Hộ sinh	Thực hành chăm sóc thai kỳ, đỡ đẻ, chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản	2	10	5	15	0	10

**Phụ lục III: DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI ĐƠN VỊ
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

STT	HỌ TÊN	HỌC HÀM/HỌC VỊ/CHUYÊN KHOA	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đặng Tiến Hải	BSCCKII	Nội khoa, thần kinh, tâm thần	002753/NB- CCHN	KCB Nội khoa và CK thần kinh, tâm thần	9	Nội khoa, thần kinh, tâm thần	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, thần kinh, tâm thần		
2	Lê Trần Dương	BSCCKI	Y khoa, nội khoa	001925/NB- CCHN	khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, nội khoa	8	Nội khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		
3	Lê Thị Huệ	BSCCKI	Y khoa, nội khoa	0003230/NB- CCHN	KCB đa khoa, KCB chuyên khoa Nội	9	Nội khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		
4	Hà Thị Thanh	BSĐK	Y khoa	004176/NB- CHN	KCB đa khoa	8	Nội khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		
5	Nguyễn Văn Trí	BSCCKI	Y khoa, nội khoa	001930/ NB- CCHN	KCB đa khoa, KCB Nội khoa, Nội soi tiêu hóa, siêu âm tổng quát	8	Nội khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		
6	Nguyễn Khánh Linh	cử nhân điều dưỡng	điều dưỡng đa khoa	003407/NB- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLTBYT- BNV ngày	10	Điều dưỡng nội khoa	Xây dựng kế hoạch, chăm sóc bệnh nhân nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	30

					07/10/2015 quy định mã số chức danh nghề nghiệp điều dưỡng					
7	Trần Thị Lan Hương	cử nhân điều dưỡng	điều dưỡng đa khoa	004029 /NB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	8	Điều dưỡng nội khoa	Xây dựng kế hoạch, chăm sóc bệnh nhân nội khoa		
8	Trần Tiến Anh	BSCKI	Ngoại khoa, răng hàm mặt	000021/NB-CCHN	KCB RHM, KCB CK Ngoại,	8	Ngoại khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	Khoa Ngoại - chuyên khoa	30
9	Dương Văn Doan	BSCKI	Y khoa, ngoại khoa	002781/NB-CCHN	KCB đa khoa, KCB chuyên ngành ngoại khoa	1	Ngoại khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa		
10	Nguyễn Văn Quân	BSCKĐH	Y khoa, gây mê hồi sức	0003239/NB-CCHN	KCB đa khoa. Gây mê hồi sức	8	Ngoại khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa		
11	Nguyễn Thị Liễu	BSCKI	Y khoa, chuyên khoa mắt	0003222/NB-CCHN	khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, KCB chuyên khoa Mắt	10	Ngoại khoa, chuyên khoa mắt	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa, chuyên khoa mắt		
12	Đình Văn	BSĐK	Y khoa	000669/NB-	y khoa	1	Ngoại	Thực hành		

	Đạt			GPHĐ			khoa	khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa		
13	Đặng Đức Phi	cử nhân điều dưỡng	điều dưỡng đa khoa	0003223/NB-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật của điều dưỡng đại học, kỹ thuật viên xương bột	10	Điều dưỡng ngoại khoa	Xây dựng kế hoạch, chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa		
14	Nguyễn Thu Thủy	BSCKI	Y khoa, HSCC	0003218/NB-CCHN	KCB đa khoa, chuyên khoa HSCC	1	Hồi sức cấp cứu, nội khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Hồi sức cấp cứu		
15	Hà Kiều Vân	BSDK	Y khoa	005474/NB-CCHN	khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	3	Nội khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		
16	Phạm Thị Loan	cử nhân điều dưỡng	điều dưỡng đa khoa	0003224/ NB-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật của điều dưỡng đại học	10	Điều dưỡng nội khoa, HSCC, nhi khoa	Xây dựng kế hoạch, chăm sóc bệnh nhân nội khoa, HSCC, nhi khoa		
17	Trần Thị Hằng	cử nhân điều dưỡng	điều dưỡng đa khoa	0003231/NB-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật của điều dưỡng đại học	10	Điều dưỡng nội khoa, HSCC, nhi khoa	Xây dựng kế hoạch, chăm sóc bệnh nhân nội khoa, HSCC, nhi khoa	Khoa Nhi - HSCC	30
18	Vũ Thị Yến	bác sĩ RHM	RHM	004281/NB-CCHN	KCB CK răng- hàm -mặt	7	Răng hàm mặt	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	Khoa khám bệnh	1
19	Nguyễn Thị Tô Quyên	BS YHCT	Y học cổ truyền	0003227/NB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ	8	Y học cổ truyền	Thực hành khám bệnh,	Khoa YHCT&PHCN	30

					truyền			chữa bệnh chuyên khoa YHCT		
20	Tạ Ngọc Thắng	BS YHCT	Y học cổ truyền	003940/ NB- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền,	8	Y học cổ truyền	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa YHCT		
21	Nguyễn Thị Thu Hằng	BSCKI	Y khoa, sản phụ khoa	003839/NB- CCHN	khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa sản phụ	9	Sản phụ khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa		
22	Bùi Thị Thu Nhuồng	BSCKI	Y khoa, sản phụ khoa	005123/BN- CCHN	KCB đa khoa, sản phụ khoa	5	Ngoại khoa	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và phụ sản	5
23	Đặng Thị Thu	cử nhân điều dưỡng	điều dưỡng đa khoa	0003228/ NB- CCHN	Thực hiện các kỹ thuật của điều dưỡng đại học	10	Điều dưỡng truyền nhiễm	Xây dựng kế hoạch, chăm sóc bệnh nhân truyền nhiễm	Khoa truyền nhiễm	5
24	Nguyễn Thị Thúy	BSCKĐH	xét nghiệm	002911/NB- CCHN	KCB đa khoa, CK xét nghiệm	9	kỹ thuật xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm		
25	Nguyễn Thành Đạt	BSCKI	chẩn đoán hình ảnh	003840/ NB- CCHN	KCB đa khoa, chuyên khoa CĐHA	4	chẩn đoán hình ảnh	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh xquang, siêu âm, CT		
26	Trần Anh Tuấn	KTV đại học	KTV chẩn đoán hình ảnh	000649/ NB- CCHN	KTV chẩn đoán hình ảnh	10	chẩn đoán hình ảnh	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh xquang, CT		
27	Nguyễn Kiên Cường	KTV đại học	KTV xét nghiệm	001928/NB- CCHN	chuyên khoa xét nghiệm	13	kỹ thuật xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm - CĐHA	

28	Trần Ngọc Quế	BSĐK	Xquang, siêu âm	000060/NB-CCHN	khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, siêu âm, xquang	6	chẩn đoán hình ảnh	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh xquang		
29	Đinh Thanh Trung Thành	Thạc sĩ dược	dược học	1527/CCHN-D-SYT-NB	chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc, tủ thuốc TYT xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	5	Thực hành dược bệnh viện. Thực hành dược khoa	Xây dựng danh mục/tài liệu chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc. Thực hành quy trình thông tin thuốc. Báo cáo phản ứng có hại của ADR. Xác định các vấn đề liên quan đến thuốc.	Khoa Dược - VTTTB	
30	Nguyễn Quang Huy	dược sĩ đại học	dược học	1009/CCHN-D-SYT-NB	chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc, tủ thuốc TYT xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	9	Thực hành dược bệnh viện. Thực hành dược khoa	Xây dựng danh mục/tài liệu chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc. Thực hành quy trình thông tin thuốc. Báo cáo phản ứng có hại của ADR. Xác định các vấn đề liên quan đến thuốc.		

PHỤ LỤC IV. DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ ĐÁP ỨNG NHU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

STT	Mã máy	Tên thiết bị	Ký hiệu (Model)	Hãng Sx	Nước sx	Năm sx	Nguồn gốc tài sản (NSNN, Tự mua, LDLK, thuê, cho, tặng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4	NT.1.37401.070382	Máy xét nghiệm nước tiểu	Clinitek	Siemens	Anh	2014	NSNN
5	CT.1.38220.S14179	Hệ Thống CT Somatom	Somatom	Siemens Healthcare	Đức	2024	Tặng
6	HV.1.37401.048569	Kính hiển vi Olympus KX21	CX21FS1	Nhật Bản	Nhật Bản	2005	NSNN
7	SH.1.37401.110007	Máy XN sinh hóa tự động	CST300	Dirui	Trung Quốc	2018	NSNN
8	ĐĐ.1.37401.ĐĐ01	Dao mổ điện					NSNN
9	ĐM.1.37401.ĐM02	Đèn mổ treo trần	Emaled 560	Đức	Đức	2024	NSNN
10	DN.1.37401.003981	Máy điện não đồ	EEG 1200K	Nihon Kohden	Nhật Bản	2018	NSNN
11	ĐQ.1.37401.ĐQ01	Đèn Quang Trùng Hợp	ĐQ01	LD Mỹ - Đài Loan	LD Mỹ - Đài Loan	2016	NSNN
12	DT.1.37401.1073BE	Máy điện tim 3 cần	ECG 2150	Nihon-Kohden	Nhật Bản	2015	NSNN
13	DT.1.37401.16967K	Máy điện tim 6 kênh	ECG 1250K	Nihon Kohden	Nhật bản	2015	NSNN
14	GNK.1.37401.SL8600	Ghế nha khoa	SL 8600	Sunlight	Trung Quốc	2019	NSNN
15	DT.1.37401.015370	Máy điện tim 6 kênh	ECG 1250K	Nihon Kohden	Nhật Bản	2015	NSNN
16	DT.1.37401.016130	Máy điện tim 6 kênh	ECG-1250K	Nihon Kohden	Nhật Bản	2019	NSNN
17	GM.1.37401.PRIMASP101/AV800	Máy gây mê kèm thở	Soft lander SL-210	Nhật Bản	Nhật Bản	2021	NSNN

18	MHD.1.37401.MHD01	Máy hút dịch hai bình	MHD01	Trung Quốc	Trung Quốc	2014	NSNN
19	CNH.1.37401.824755	Máy đo chức năng hô hấp	SPM 300	Bionet	Hàn Quốc	2015	NSNN
21	CR.1.37401.2578	máy lấy cao răng	ART M1	Đài Loan	Đài Loan	2021	NSNN
22	MĐC.1.37401.2403-2670	Máy điện châm 1	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2017	NSNN
23	MĐC.1.37401.2403-2671	Máy điện châm 2	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2017	NSNN
24	MĐC.1.37401.2403-2672	Máy điện châm 3	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2017	NSNN
25	MĐC.1.37401.2403-2673	Máy điện châm 4	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2024	NSNN
26	MĐC.1.37401.2403-2674	Máy điện châm 5	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2024	NSNN
27	MĐC.1.37401.2403-2675	Máy điện châm 6	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2024	NSNN
28	MĐC.1.37401.2403-2676	Máy điện châm 7	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2024	NSNN
29	MĐC.1.37401.2403-2677	Máy điện châm 8	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2024	NSNN
30	MĐC.1.37401.2403-2678	Máy điện châm 9	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2024	NSNN
31	MĐC.1.37401.2403-2679	Máy điện châm 10	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2024	NSNN
32	MĐC.1.37401.Q-01-4135	Máy điện châm 11	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2024	NSNN
33	MĐC.1.37401.1705-1314	Máy điện châm 12	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2024	NSNN
34	MĐC.1.37401.1710-0044	Máy điện châm 13	KWD-808	Wujin Greatwall	Trung Quốc	2024	NSNN
35	MĐC.1.37401.1403-1021	Máy điện châm 14	HA-306	Hàn Quốc	Hàn Quốc	2020	NSNN
36	DT.1.37403.011274	Máy điện tim 6 kênh	ECG 1250K	Nihon Kohden	Nhật Bản	2015	NSNN

38	MĐX.1.37401.40433	Máy điện xung Endomed	Endomed	Enrafnonius	Hà Lan	2024	NSNN
39	HD.1.37401.1586	Máy hút dịch	MHD01	Trung Quốc	Trung Quốc	2014	NSNN
40	MMHD.1.37401.MHD01	Máy hút dịch sách tay	MHD02	Mỹ	Mỹ	2009	NSNN
41	KD.1.37401.458UF	Máy khí dung Omron NE-C29 KN	NE-C29	Omrom Healthcare	Nhật Bản	2023	NSNN
42	KD.1.37401.369UF	Máy khí dung Omron NE-C29 CC	NE-C29	Omrom Healthcare	Nhật Bản	2023	NSNN
43	KD.1.37401.886UF	Máy khí dung Omron NE-C28 CC	NE-C28	Omrom Healthcare	Nhật Bản	2023	NSNN
44	KD.1.37401.182UF	Máy khí dung Omron NE-C28 TN	NE-C28	Omrom Healthcare	Nhật Bản	2023	NSNN
45	LD.1.37401.MINI-630/S	Thiết bị LASER DIODE trị liệu	MINI-630/S	Việt Nam	Việt Nam	2013	NSNN
46	MLZ.1.37401.02	Máy Laze 2	Diode			2013	NSNN
47	MLZ.1.37401.03	Máy Laze 3	Diode			2013	NSNN
48	MLZ.1.37401.04	Máy Laze 4	Diode			2013	NSNN
49	M.1.37401.M02	Monitor theo dõi bệnh nhân	M01	Nihon Kohden	Nhật	2014	NSNN
50	MNT.1.37401.M01	Monitor theo dõi bệnh nhân	M02	Nihon Kohden	Nhật bản	2014	NSNN
51	RDD.1.37401.OP040	Máy rửa dạ dày		Trung Quốc	Trung Quốc		NSNN
52	MS.1.37401.06XS	Máy sỏi	He-06XS	Việt Nam	Việt Nam	2024	NSNN
53	SA.1.37401.50391	Máy siêu âm điều trị Sonopuls 490	Sonopuls 490	Enrafnonius	Hà Lan	2024	NSNN
54	MST.1.37401.L52	Máy sắc thuốc 16 Ấm 01	MST01	Việt Nam	Việt Nam	2016	NSNN
55	MST.1.37401.L53	Máy sắc thuốc 16 Ấm 02	MST02	Việt Nam	Việt Nam	2019	NSNN
56	MST.1.37401.k21	Máy sắc thuốc 24 Ấm	MST03	Việt Nam	Việt Nam	2014	NSNN
57	MT.1.37401.MT01	Máy thở	MT01	Event Medical	Mỹ	2018	NSNN
58	MT.1.37401.MT02	Máy thở	MT02	Vsmart	Việt Nam	2020	NSNN
60	MT.1.37401.K380413	Máy thở ViVo	Vivo	Breas medical	Thụy điển	2021	NSNN
62	MTD.1.37401.MTD01	Máy truyền Dịch	MTD01	Top	Nhật	2011	NSNN

63	MXH.1.37401.4130	Máy xông Hơi 1	TS401	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
64	MXH.1.37401.4131	Máy xông Hơi 2	TS402	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
65	MXH.1.37401.4132	Máy xông Hơi 3	TS403	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
66	MXH.1.37401.4133	Máy xông Hơi 4	TS404	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
67	MXH.1.37401.4134	Máy xông Hơi 5	TS405	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
68	MXH.1.37401.4135	Máy xông Hơi 6	TS406	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
69	MXH.1.37401.4136	Máy xông Hơi 7	TS407	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
70	MXH.1.37401.4137	Máy xông Hơi 8	TS408	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
71	MXH.1.37401.4138	Máy xông Hơi 9	TS409	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
72	MXH.1.37401.4139	Máy xông Hơi 10	TS410	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
73	MXH.1.37401.5421	Máy xông Hơi 11	TS411	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
74	MXH.1.37401.5432	Máy xông Hơi 12	TS412	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
75	MXH.1.37401.5499	Máy xông Hơi 13	TS413	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
76	MXH.1.37401.J842	Máy xông Hơi 14	TS414	Trung Quốc	Trung Quốc	2021	NSNN
77	NS.1.37401.PX2500	Máy nội soi dạ dày	W400	Fujinon	Nhật	2015	NSNN
78	NS.1.37401.1509028	Hệ thống nội soi Tai mũi họng	INV 250	Inotech	Korea	2019	NSNN
79	SĐM.1.37401.MSĐM01	Máy soi đáy mắt điện	MSĐM01	Đức	Đức		NSNN
80	NS.1.37401.PX2500	Hệ thống nội soi dạ dày ống mềm video	EPX 2500	Nhật Bản	Nhật Bản	2019	NSNN

81	NS.1.37401.3001586	Hệ thống phẫu thuật nội soi		Đức, mỹ, Thụy sỹ	Đức, mỹ, Thụy sỹ	2020	NSNN
82	SA.1.37401.G3229922	Máy siêu âm Arieta 65	Arieta 65	Fujifilm	Nhật bản	2024	NSNN
83	SA.1.37401.BE4474	Máy siêu âm màu 3D	Sonix Touch	Canada	Canada	2014	NSNN
84	SA.1.37401.KA652D	Máy siêu âm màu 4D	HD9	Phillip	Mỹ/ Hàn Quốc	2011	NSNN
86	SN.1.37401.05781	Sóng ngắn Curapuls 670					NSNN
87	HH.1.37401.A6563	Máy phân tích huyết học tự động 20 thông số	XP100	Simen	Nhật Bản	2014	NSNN
88	TMH.1.37401.01	Hệ thống nội soi Tai mũi họng	INV 250	Inotech	Korea	2019	NSNN
89	ĐTT.1.37401.24503	Điện từ trường MF-12	MF-12	Elektronika	Hà Lan	2024	NSNN
90	TD.1.37401.CR2032	Máy xét nghiệm tiểu đường CC	TD	Oncallplus	Đức	2024	NSNN
91	TD.1.37401.CR2017	Máy xét nghiệm tiểu đường KN	TD	Oncallplus	Đức	2024	NSNN
92	TD.1.37401.CR2021	Máy xét nghiệm tiểu đường TN	TD	Oncallplus	Đức	2024	NSNN
94	XQ.1.37401.03B004	Máy X quang ANTHEM	Dell Medical	Mĩ-NB-TQ	Mĩ-NB-TQ	2017	NSNN
95	XQ.1.37401.03B003	Hệ thống chụp X quang cao tần	UD150L-40E	Shimadzu	Nhật Bản	2013	NSNN
96	XQ.1.37401.100516	Máy X quang răng	DX 3000	Hàn Quốc	Hàn Quốc	2016	NSNN